



# App 10

## *The Polyglots at the Pet Park*

---

### Vietnamese

Students help out at a pet day-care centre that looks and feels like a happy pet park. They learn nouns and adjectives for various pets and responses to 'What is it?'

# Learning experiences

## Playspace

The playspace is set in a cheerful pet-care centre that is like a pet park. Students can engage in activities with pets while using the target language.



### Australian Curriculum links

#### Communicating:

- Socialising – Participate in guided group activities such as songs, rhymes, games and transactions, using modelled repetitive language (ACLVIC107)

#### Language

##### Vietnamese

Thú nuôi

Nhìn kia! Thú nuôi!

Trò chơi xếp hình!

Quán chụp hình!

Nhìn kia! Một con chó dễ thương!

Ồ! Đây là một con chim!

Nhạc! Chúng ta hát!

Meo! Meo!

Hí!

Ồ! Đây là một con cá to!

Ồ! Đây là một con cá nhỏ!

Một con thỏ màu trắng!

Một con thỏ màu đen!

Đây là con gì vậy?

Đây là một con chim!

Cảm ơn!

##### English

Pets (signage)

Look! Pets!

A puzzle!

A photo booth!

Look! A cute dog!

Wow! It's a bird!

Music! Let's sing!

Meow! Meow! (cultural noise)

Neigh! (cultural noise)

Wow! It's a big fish!

Oh! It's a little fish!

A white rabbit!

A black rabbit!

What is it?

It's a bird!

Thank you!

## Pet check-in

In this activity, students help a Polyglots character to check-in animals at the pet day-care centre. Once the registration form is completed, students can care for their chosen animal using a variety of tools such as soaps and combs.

### Australian Curriculum links

#### Communicating:

- Informing – Identify key words and specific information related to their personal world in simple spoken, written, digital and visual texts (ACLVIC109)

#### Understanding:

- Systems of language – Recognise the sounds and tones of spoken Vietnamese, and notice how they are represented in words and symbols (ACLVIC117); Understand some first elements of Vietnamese grammar, such as personal pronouns, frequently used nouns, adjectives, verbs and prepositions, and basic rules of word order in simple sentences (ACLVIC118); Explore different types of familiar texts, such as captions, labels, songs, rhymes and fairy tales, noticing similarities and differences between text types (ACLVIU119)

### Language

#### Vietnamese

Đây là con gì vậy?

Động vật

con mèo

con chó

con thỏ

con ngựa

Đây là một con mèo!

Đây là một con chó!

Đây là một con thỏ!

Đây là một con ngựa!

Con mèo màu gì?

Con chó màu gì?

Màu sắc

màu đen

màu nâu

màu xám

màu trắng

Đây là một con mèo màu đen!

Đây là một con chó màu nâu!

Đây là một con thỏ màu xám!

Đây là một con ngựa màu nâu!

bút lông

#### English

What animal is it?

Animal (label)

Cat

Dog

Rabbit

Horse

It's a cat!

It's a dog!

It's a rabbit!

It's a horse!

What colour is the cat?

What colour is the dog?

Colour (label)

Black

Brown

Grey

White

It's a black cat!

It's a brown dog!

It's a grey rabbit!

It's a brown horse!

Texta

bút chì	Pencil
bút mực	Pen
Con mèo nặng mấy kí-lô-gram?	How many kilograms is the cat?
Con thỏ nặng mấy kí-lô-gram?	How many kilograms is the rabbit?
Cân nặng	Weight (label)
0 kí-lô-gram	0 kilograms
3 kí-lô-gram	3 kilograms
15 kí-lô-gram	15 kilograms
20 kí-lô-gram	20 kilograms
400 kí-lô-gram	400 kilograms
650 kí-lô-gram	650 kilograms
Con thỏ nặng hai kí-lô-gram!	The rabbit is 2 kilograms!
Con mèo nặng sáu kí-lô-gram!	The cat is 6 kilograms!
Con chó nặng mười một kí-lô-gram!	The dog is 11 kilograms!
Con chó nặng hai mươi hai kí-lô-gram!	The dog 22 kilograms!
Con ngựa nặng bốn trăm năm mươi kí-lô-gram!	The horse is 450 kilograms!
Con ngựa nặng năm trăm kí-lô-gram!	The horse is 500 kilograms!
Con mèo dài bao nhiêu cen-ti-mét?	How many centimetres is the cat?
Con ngựa dài bao nhiêu cen-ti-mét?	How many centimetres is the horse?
Chiều dài	Length (label)
0 cen-ti-mét	0 centimetres
30 cen-ti-mét	30 centimetres
45 cen-ti-mét	45 centimetres
250 cen-ti-mét	250 centimetres
300 cen-ti-mét	300 centimetres
Con mèo dài ba mươi lăm cen-ti-mét!	The cat is 35 centimetres!
Con chó dài năm mươi cen-ti-mét!	The dog is 50 centimetres!
Con ngựa dài hai trăm hai mươi cen-ti-mét!	The horse is 220 centimetres!
nước	Water
xà bông	Soap
khăn tắm	Towel
cái lược	Comb
bàn chải	Brush
Cảm ơn!	Thank you!
Hẹn gặp lại!	See you later!

## Animal scrambler

Students unscramble an animal puzzle and help the Polyglots characters to determine what it shows. They listen to the target language question and provide an answer by selecting Yes or No, and then hear either a confirmation response or the repeated question.

### Australian Curriculum links

#### Communicating:

- Informing – Identify key words and specific information related to their personal world in simple spoken, written, digital and visual texts (ACLVIC109)

#### Understanding:

- Systems of language – Recognise the sounds and tones of spoken Vietnamese, and notice how they are represented in words and symbols (ACLVIC117); Understand some first elements of Vietnamese grammar, such as personal pronouns, frequently used nouns, adjectives, verbs and prepositions, and basic rules of word order in simple sentences (ACLVIC118); Explore different types of familiar texts, such as captions, labels, songs, rhymes and fairy tales, noticing similarities and differences between text types (ACLVIC119)

### Language

#### Vietnamese

Đây là một con mèo phải không?  
Đây là một con chó phải không?  
Đây là một con thỏ phải không?  
Đây là một con ngựa phải không?  
Đây là một con chim phải không?  
Đây là một con mèo màu hồng phải không?  
Đây là một con chó màu đỏ phải không?  
Đây là một con chó màu cam phải không?  
Đây là một con thỏ màu xanh trời phải không?  
Đây là một con ngựa màu xanh lá cây phải không?  
Đây là một con chim màu vàng phải không?  
Đúng rồi, đây là một con mèo!  
Đúng rồi, đây là một con chim!  
Đúng rồi, đây là một con mèo màu hồng!  
Đúng rồi, đây là một con chó màu xanh lá cây!  
Đúng rồi, đây là một con thỏ màu đỏ!  
Đúng rồi, đây là một con ngựa màu cam!  
Đúng rồi, đây là một con chim màu vàng!  
Đúng rồi, đây là một con mèo màu xanh trời!  
Không, đây là một con chó!  
Không, đây là một con thỏ!  
Không, đây là một con mèo màu hồng!

#### English

Is it a cat?  
Is it a dog?  
Is it a rabbit?  
Is it a horse?  
Is it a bird?  
Is it a pink cat?  
Is it a red dog?  
Is it an orange dog?  
Is it a blue rabbit?  
Is it a green horse?  
Is it a yellow bird?  
Yes, it's a cat!  
Yes, it's a bird!  
Yes, it's a pink cat!  
Yes, it's a green dog!  
Yes, it's a red rabbit!  
Yes, it's an orange horse!  
Yes, it's a yellow bird!  
Yes, it's a blue cat!  
No, it's a dog!  
No, it's a rabbit!  
No, it's a pink cat!

Không, đây là một con chó màu xanh lá cây!

Không, đây là một con thỏ màu đỏ!

Không, đây là một con ngựa màu cam!

Không, đây là một con chim màu vàng!

Không, đây là một con mèo màu xanh trời!

con mèo

con chó

con thỏ

con ngựa

con chim

con chó màu hồng

con mèo màu xanh lá cây

con chim màu đỏ

con ngựa màu cam

con thỏ màu vàng

con chó màu xanh trời

Xuất sắc!

Tuyệt vời!

Làm rất tốt!

Hẹn gặp lại!

No, it's a green dog!

No, it's a red rabbit!

No, it's an orange horse!

No, it's a yellow bird!

No, it's a blue cat!

Cat (label)

Dog (label)

Rabbit (label)

Horse (label)

Bird (label)

Pink dog (label)

Green cat (label)

Red bird (label)

Orange horse (label)

Yellow rabbit (label)

Blue dog (label)

Excellent!

Fantastic!

Well done!

See you later!

## Photo booth

Students create interesting photos by using both the camera functionality on their device and overlaid pet images. They set the scene and choose a pet, changing the animal's emotional state by selecting from a range of emojis.

### Australian Curriculum links

#### Communicating:

- Informing – Identify key words and specific information related to their personal world in simple spoken, written, digital and visual texts (ACLVIC109)
- Creating – Participate in shared reading, viewing of or listening to imaginative texts and respond through miming, acting, matching pictures with text or answering questions (ACLVIC111)

#### Personal Social and Community Health:

- Communicating and interacting for health and wellbeing – Identify and describe emotional responses people may experience in different situations (ACPPS005)

### Language

#### Vietnamese

con chó

con mèo

con thỏ

con ngựa

con chim

Vui!

Buồn!

Đói bụng!

Khát nước!

Mệt!

Một con mèo vui

Một con mèo buồn

Đây là một con mèo vui!

Đây là một con mèo buồn!

Một con chó khát nước

Đây là một con chó đói bụng!

Đây là một con thỏ mệt!

Một con ngựa vui

Một con chim buồn

#### English

Dog

Cat

Rabbit

Horse

Bird

Happy!

Sad!

Hungry!

Thirsty!

Tired!

A happy cat

A sad cat

It's a happy cat!

It's a sad cat!

A thirsty dog

It's a hungry dog!

It's a tired rabbit!

A happy horse

A sad bird

# Puppy trainer

In this open-ended activity, students create sequences of instructions and record commands for the puppy to obey.

## Australian Curriculum links

### Communicating:

- Socialising – Participate in guided group activities such as songs, rhymes, games and transactions, using modelled repetitive language (ACLVIC107); Interact in classroom routines and activities by responding to questions, following instructions and asking for permission (ACLVIC108)

### Understanding:

- Systems of language – Understand some first elements of Vietnamese grammar, such as personal pronouns, frequently used nouns, adjectives, verbs and prepositions, and basic rules of word order in simple sentences (ACLVIU118); Explore different types of familiar texts, such as captions, labels, songs, rhymes and fairy tales, noticing similarities and differences between text types (ACLVIU119)

### Digital technologies:

- Processes and Production Skills – Follow, describe and represent a sequence of steps and decisions (algorithms) needed to solve simple problems (ACTDIP004)

## Language

### Vietnamese

Đi bộ!

Chạy!

Ngồi!

Dừng lại!

Nhảy!

Quay!

Đi!

Con chó ngoan!

Hẹn gặp lại!

### English

Walk!

Run!

Sit!

Stop!

Jump!

Turn!

Go!

Good dog!

See you later!

## Bird trainer

Students train a parrot to talk in the target language by recording statements in their own voice, which the bird then repeats. The more recordings of different modelled statements there are, the more the bird learns to say.

### Australian Curriculum links

#### Communicating:

- Socialising – Participate in guided group activities such as songs, rhymes, games and transactions, using modelled repetitive language (ACLVIC107)

#### Understanding:

- Systems of language – Understand some first elements of Vietnamese grammar, such as personal pronouns, frequently used nouns, adjectives, verbs and prepositions, and basic rules of word order in simple sentences (ACLVIU118)

### Language

#### Vietnamese

Đây là con gì vậy?

Đây là một con mèo!

Đây là một con chó!

Đây là một con thỏ!

Đây là một con ngựa!

Đây là một con chim!

Đây là một con chó vui!

Đây là một con mèo buồn!

Đây là một con thỏ mệt!

Đây là một con chim vui!

Đây là một con ngựa buồn!

Đây là một con ngựa mệt!

#### English

What is it?

It's a cat!

It's a dog!

It's a rabbit!

It's a horse!

It's a bird!

It's a happy dog!

It's a sad cat!

It's a tired rabbit!

It's a happy bird!

It's a sad horse!

It's a tired horse!

## Song

The 'What is it?' song features two Polyglots characters on stage, trying to work out what animal is behind the curtain based on visual clues.

### Australian Curriculum links

#### Communicating:

- Socialising – Participate in guided group activities such as songs, rhymes, games and transactions, using modelled repetitive language (ACLVIC107)

#### Understanding

- Systems of language – Recognise the sounds and tones of spoken Vietnamese, and notice how they are represented in words and symbols (ACLVIC117)

# Cultural references



The Phu Quoc ridgeback is the only dog that is native to the Phu Quoc island off south Vietnam. The ridge of hair along its back stands up if the dog gets excited or is on guard. Loyal and faithful, this dog is also a natural hunter. It will hunt for others, including its owner, and bravely defend them against attack.



Animal sounds may be expressed quite differently in different languages. These onomatopoeias are thought to vary due to the different phonemic systems of each language. In Vietnamese, for example, the 'Meow! Meow!' of a cat is 'Meo! Meo!'



The Phu Quoc ridgeback is very rare, and one of only three types of dog with a distinct ridge of fur along its back. It has a special talent for swimming due to the membranes between its toes, and is known to dig a burrow to give birth. The breed is either black, tiger-striped brindle or gold.



Pet ownership has only become more common in Vietnam in recent times. With more people living in the cities, animals are more likely to be kept as pets rather than seen purely as working animals such as guard dogs or mouse catchers.



The colours on the beach ball have special meanings in the Vietnamese culture. Red represents luck and celebration. Yellow symbolises good fortune and wealth. Blue is associated with hope.

# 'What is it?' song lyrics

## Vietnamese

## English

Đây là con gì vậy?

What is it?

Đây là con gì vậy?

What is it?

Đây là một con ngựa phải không?

Is it a horse?

Đây là một con chim phải không?

Is it a bird?

Đây là một con chó phải không?

Is it a dog?

Đây là một con thỏ phải không?

Is it a rabbit?

Không! Đây là một con mèo!

No! It's a cat!

Một con mèo dễ thương!

A cute cat!

ELLA is funded by the Australian Government Department of Education, Skills and Employment and is managed by Education Services Australia. © 2021 Commonwealth of Australia, unless otherwise indicated. This material, other than Commonwealth trade marks in The Polyglots characters and The Polyglots logo, may be used in accordance with the Creative Commons BY-NC 4.0 licence, unless otherwise indicated.



Education  
Services  
Australia